

Số: 307 /STNMT-TNN

Điện Biên, ngày 26 tháng 04 năm 2018

HƯỚNG DẪN

Lập phương án cấm mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước hồ chứa, thủy điện, thủy lợi; sông, kênh, suối, hồ tự nhiên, hồ nhân tạo ở các khu đô thị, khu dân cư tập trung và các nguồn nước khác trên địa bàn tỉnh Điện Biên

Căn cứ Pháp lệnh số 32/2001/PL-UBTVQH10 ngày 04 tháng 4 năm 2001 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về Khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước số 17/2012/QH13 đã được Quốc hội nước CHXHCNVN khóa XIII, kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 21/6/2012;

Căn cứ Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước; Nghị định số 143/2003/NĐ-CP ngày 28/11/2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi; Nghị định số 112/2008/NĐ-CP ngày 20/10/2008 của Chính phủ về quản lý, bảo vệ, khai thác tổng hợp tài nguyên và môi trường các hồ chứa thủy điện, thủy lợi; Nghị định số 43/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ Quy định lập, quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước; Thông tư 45/2009/TT-BNNPTNN ngày 24 tháng 7 năm 2009 của Hướng dẫn lập và phê duyệt phương án bảo vệ công trình thủy lợi;

Sở Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn lập phương án cấm mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước hồ chứa thủy điện, thủy lợi, sông, suối, kênh, hồ tự nhiên, hồ nhân tạo ở các đô thị, khu dân cư tập trung và các nguồn nước khác trên địa bàn tỉnh Điện Biên như sau:

1. Nội dung chính

1.1. Mở đầu:

- a) Tên phương án kỹ thuật
- b) Trách nhiệm của các cơ quan liên quan: Chủ đầu tư, cơ quan thẩm định phương án, cơ quan phê duyệt, đơn vị tư vấn lập phương án và thi công.
- c) Các thông tin khác: nguồn vốn, hình thức quản lý, phương thức thực hiện, thời gian thực hiện.
- d) Mục đích, yêu cầu, nhiệm vụ.
- đ) Khái quát về công trình:
 - Vị trí địa lý, đặc điểm tự nhiên - kinh tế - xã hội nơi xây dựng công trình.
 - Đặc điểm khí tượng thủy văn

- Hiện trạng quản lý, sử dụng đất quanh hồ chứa (đối với hồ chứa thủy điện, thủy lợi).

- Quy mô, tiến độ xây dựng, các thông số cơ bản của công trình, phương thức thực hiện, thời gian thực hiện.

e) Căn cứ lập phương án

- Căn cứ pháp lý, kỹ thuật;

- Các văn bản quy phạm, tiêu chuẩn;

- Các tài liệu bản đồ địa chính, bản đồ nền địa hình, bản vẽ, điểm tọa độ, độ cao nhà nước được sử dụng.

f) Xác định phạm vi cụ thể của hành lang bảo vệ hồ chứa trên sơ đồ mặt bằng.

1.2. Thiết kế kỹ thuật phương án cấm mốc

1.2.1. Xác định hành lang bảo vệ hồ chứa, nguồn nước: phương pháp xác định, kết quả xác định phạm vi hành lang bảo vệ, phạm vi không được xâm phạm, phạm vi còn lại, khu vực có nguy cơ gây mất an toàn cao đối với người và gia súc (nếu có).

1.2.2. Yêu cầu kỹ thuật về mốc hành lang bảo vệ nguồn nước

1.2.3. Thiết kế lưới khống chế đo vẽ

- Thiết kế lưới khống chế tọa độ;

- Thiết kế lưới thủy chuẩn kỹ thuật.

1.2.4. Khoảng cách cấm mốc ngoài thực địa:

- Đối với các công trình thủy điện:

+ Trong phạm vi các khu dân cư, khoảng cách giữa hai mốc liền kề được bố trí không quá 200 m;

+ Trong phạm vi có độ dốc lòng hồ lớn hoặc lưu vực là rừng rậm, không có dân sinh và các hoạt động kinh tế, dịch vụ: Cấm mốc theo đường biên (tại các điểm chuyển hướng) có cao trình bằng cao trình đỉnh đập, khoảng cách 2 mốc liền nhau, tùy điều kiện cụ thể để quy định, tối đa không quá 300m.

+ Các khu vực địa hình hiểm trở: Căn cứ vào địa hình để bố trí mốc cho phù hợp đảm bảo điều kiện tổ chức, thi công.

- Đối với các công trình thủy lợi:

Áp dụng quy định tại Điều 4 Thông tư số 45/2009/TT-BTNMT ngày 24 tháng 7 năm 2009 của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn về Hướng dẫn lập và phê duyệt Phương án bảo vệ công trình thủy lợi.

- Đối với sông, suối, kênh:

Áp dụng quy định tại Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP ngày 6 tháng 5 năm 2015 quy định lập và quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước.

- Đối với hồ tự nhiên, hồ nhân tạo ở khu đô thị, khu dân cư tập trung và các nguồn nước khác:

Áp dụng quy định tại Điều 10 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP ngày 6 tháng 5 năm 2015 quy định lập và quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước.

1.3. Tổ chức thi công

1.3.1. Công tác đo đạc triển điểm mốc giới hành lang bảo vệ ra thực địa.

1.3.2. Đúc mốc và chôn mốc.

- Quy định về đúc mốc

+ Mốc được thiết kế gồm hai phần: Phần đế mốc và thân mốc đảm bảo độ bền vững, dễ nhận biết.

Phần thân mốc được đúc bằng bê tông cốt thép theo khuôn ván gỗ, kích thước chiều cao, rộng, dày: 0,50m x 0,30m x 0,10m với mác bê tông M200 (Có bản vẽ kèm theo). Mặt mốc được tráng lớp xi măng và khắc chữ chìm, sau đó dùng sơn đỏ tô lại cho rõ. Xung quanh phần thân mốc được quét sơn trắng để dễ phân biệt. Nội dung thể hiện trên mặt mốc: Tên công trình; Số hiệu các mốc được đánh số thống nhất từ 01 đến hết; Ngày tháng, năm thành lập. Mặt mốc hướng về phía dễ quan sát, dễ bảo quản.

Phần đế mốc được đúc trực tiếp bằng bê tông, theo khuôn ván gỗ có kích thước 0,40m x 0,40m x 0,15m cao bằng mặt đất tự nhiên tại vị trí đúc.

- Quy định về chôn mốc: Độ sâu chôn mốc tối thiểu là 50cm và phải đảm chặt hoặc bê tông hóa.

1.3.3. Phương án thi công.

- Phương án tổ chức, huy động nhân lực, vật tư, vật liệu thi công, đo đạc thành lập bản đồ địa chính, lập hồ sơ địa chính phục vụ công tác thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư trên thực địa (đối với hồ chứa thủy điện, thủy lợi);

- Phương án bồi thường, phục vụ công tác thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư (nếu có); tổ chức, huy động vật tư, vật liệu, trang thiết bị, nhân lực, giải pháp kỹ thuật để triển khai trên hiện trường (đối với sông, suối, kênh, hồ).

1.3.4. Tiến độ thi công.

1.3.5. Công tác kiểm tra nghiệm thu, công tác bàn giao mốc, giao nộp sản phẩm.

- Công tác bàn giao mốc: Bàn giao mốc cho các đơn vị theo quy định của pháp luật.

- Kiểm tra nghiệm thu: Căn cứ pháp lý kiểm tra nghiệm thu, trách nhiệm của đơn vị thi công và chủ đầu tư, đơn vị kiểm tra nghiệm thu.

- Sản phẩm giao nộp: Quyết định và phương án cắm mốc giới xác định hành lang bảo vệ nguồn nước đã được UBND tỉnh phê duyệt;

1. Báo cáo tổng kết kỹ thuật công tác cắm mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước.

2. Báo cáo phương án thi công công tác xây dựng lưới khống chế mặt bằng, độ cao, mốc hành lang bảo vệ nguồn nước cũng như công tác khác.

3. Thành quả tính toán bình sai lưới khống chế tọa độ và độ cao.

4. Sơ đồ lưới khống chế đo vẽ tọa độ và độ cao được thể hiện trên nền bản đồ địa hình hệ tọa độ VN 2000. kinh tuyến trục 103⁰, múi chiếu 3⁰.

5. Sơ đồ các mốc hành lang bảo vệ nguồn nước.

6. Ảnh các mốc hành lang bảo vệ nguồn nước.

7. Bảng thống kê tọa độ, độ cao các mốc hành lang bảo vệ nguồn nước và các mốc đường chuyển theo hệ tọa độ VN2000 kinh tuyến tực 103⁰⁰' múi chiếu 3⁰.

8. Các biên bản bàn giao mốc và biên bản nghiệm thu.

9. Báo cáo tổng kết kỹ thuật công tác cắm mốc hành lang bảo vệ nguồn nước trên file (đĩa CD).

10. Các biên bản (gồm: biên bản bàn giao mốc, biên bản kiểm tra nghiệm thu);

Cơ quan tiếp nhận và quản lý sản phẩm: Sở Tài nguyên và Môi trường; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố nơi có hồ chứa; Chủ đầu tư.

1.4. Tổng hợp khối lượng khảo sát, đo vẽ địa hình và xây dựng mốc hành lang bảo vệ.

1.5. Kinh phí xây dựng mốc hành lang bảo vệ: Căn cứ lập, dự toán kinh phí theo quy định hiện hành.

1.6. Kết luận và kiến nghị.

2. Thành lập bản đồ thể hiện mốc giới hành lang bảo vệ.

a) Bản đồ thể hiện vị trí mốc giới hành lang bảo vệ được thành lập trên nền bản đồ địa hình hệ tọa độ VN-2000, kinh tuyến tực 103⁰, múi chiếu 3⁰.

b) Tỷ lệ bản đồ: Tọa độ, địa danh hành chính của các mốc giới, khoảng cách của các mốc giới trên bản đồ địa hình được thành lập ở dạng tỷ lệ 1/25.000-1/2.000, phụ thuộc vào quy mô của công trình để thành lập tỷ lệ bản đồ cho phù hợp.

c) Các yếu tố nội dung chính cần thể hiện trên bản đồ:

- Tên bản đồ: Bản đồ vị trí mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước (tên công trình); Địa điểm: Ghi rõ tên xã/huyện/tỉnh;

- Khung bản đồ;

- Điểm khống chế đo vẽ, điểm địa chính (nếu thể hiện được trong cùng một tờ bản đồ);

- Đường địa giới hành chính các cấp;

- Ranh giới hành lang bảo vệ công trình;

- Bảng chú giải về các ký hiệu trên bản đồ;

- Bảng thống kê tọa độ, độ cao của các mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước được trình bày ở góc khung bản đồ;

- Ký xác nhận bản đồ gồm: Chủ đầu tư, đơn vị thi công.

(Ngoài những nội dung trên việc thành lập bản đồ, thể hiện các yếu tố, nội dung trên mảnh bản đồ tuân thủ theo quy định tại phụ lục số 01, Thông tư 25/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về bản đồ địa chính).

3. Quy định về sử dụng đất trong phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước

3.1. Đối với chủ công trình:

- Xác định phạm vi, ranh giới, diện tích các thửa đất nằm trong ranh giới hành lang bảo vệ, vùng phụ cận các công trình.

- Lập biểu thống kê số thửa, loại đất, diện tích, chủ sử dụng đối với đất ở, đất canh tác liên quan đến đường ranh giới hành lang bảo vệ đã bồi thường, giải phóng mặt bằng gửi cho UBND xã, huyện nơi xây dựng công trình để phối hợp quản lý việc

sử dụng đất theo quy định. Thường xuyên kiểm tra, phát hiện ngăn chặn, xử lý và đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý các hành vi sử dụng đất trái với quy định về bảo vệ an toàn công trình.

3.2. Đối với UBND các huyện, thị xã, thành phố.

- Chịu trách nhiệm quản lý, bảo vệ mốc giới hành lang bảo vệ hồ chứa thủy điện, thủy lợi, sông, suối, kênh, hồ; chịu trách nhiệm khi để xảy ra hiện tượng lấn, chiếm, sử dụng trái phép phần đất thuộc phạm vi hành lang bảo vệ đã được bàn giao, nghiệm thu.

- Chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã trong việc quản lý hành lang bảo vệ hồ chứa thủy điện, thủy lợi, sông, suối, kênh, hồ trên địa bàn.

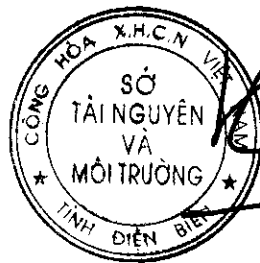
4. Thành phần hồ sơ: Tờ trình phê duyệt phương án cắm mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước; Phương án cắm mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước; bản đồ thể hiện vị trí mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước.

Trong khi chờ hướng dẫn cụ thể của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Để thuận tiện cho các tổ chức, cá nhân, Sở Tài nguyên và Môi trường ban hành hướng dẫn lập phương án cắm mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước hồ chứa thủy điện, thủy lợi; sông, kênh, suối, hồ tự nhiên, hồ nhân tạo ở các khu đô thị, khu dân cư tập trung và các nguồn nước khác trên địa bàn tỉnh Điện Biên. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị phản ánh bằng văn bản gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Điện Biên./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (b/c);
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Các chủ đầu tư, quản lý hồ chứa thủy điện, thủy lợi;
- Lưu VT, TNN, KTTV VÀ BDKH.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Phan Hiền